



WP-0043

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635 Exit visa # 47947 TH₁
TELEPHONE: 47946 TH₁
47945 TH₁

IV # 129659

VEWL. #

WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

47948 TH₁
47944 TH₁
47943 TH₁
47950 TH₁
47942 TH₁

* Son

1. ~~WIDOW~~ APPLICANT IN VIETNAM LO TRINH HUNG
Last Middle First

Current Address X7 Tô Hiến Thành, P. 20, Q. 10, TP HOCHIMINH

Date of Birth _____ Place of Birth _____

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND):

LO NGAN DZUNGPrevious Occupation (before 1975) Lt. Colonel
(Rank & Position)TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1975 To DEATH DATE: 10/1978

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & TelephoneRelationship

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 9/22/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LO TRINH HUNG (Elder Son)
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN THI NGOC Passport # 47949		Daughter-in-law
LO TRINH PHUNG 47950		Son
PHAM THI MAI HUONG 35/87 DC1		Daughter-in-law
LO KIM THUY 47943		Daughter
LO THI MY LINH 47944		Daughter
LO THI THANH LOAN 47948		Daughter
LO TRINH KHOI 47945		Son
LO TRINH GIANGA 47946		Son
LO TRINH HAO 47947		Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

DEC 09 1986

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

LIST OF WIDOWS OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONERS WHO DIES WHILE BEING

DETAINED IN THE CAMPS IN VIETNAM

No.	NAME & ADDRESS IN VIETNAM	DATE OF BIRTH	OCCUPATION	DATE OF ARRESTED	DATE OF DECEASED	IV NO.	VEWL	I-171	SPONSOR'S NAME & ADDRESS	REMARK
16/WP-0026	TRAN THI KIM LIEN 190 Cu Xa Bac Hai, P.15, Q.10, HCMinh City Vietnam DECEASED'S NAME:					210051				Needs: IV LOI _x Comple
	NGUYEN DO TUOC	1936	Major	6/1975	9/1977					
17/WP-0039	VU THI MAI 26/9 To 4, Ap 5 Hoang Dieu, Q.Thu Duc HCMinh City, Vietnam DECEASED'S NAME:	1932								Needs: IV x LOI _x Comple
	TRAN CONG MINH	1929	Lieutenant	8/1975	4/1977					
18/WP-0040	VU THI BA 288 Nam Ky Khoi Nghia Q. 3. HCMinh City Vietnam DECEASED'S NAME:	1923								Needs: IV x LOI _x Comple
	HA VAN MAO	1919	Major	6/1975	12/1980					
19/WP-0042	TRUONG THI HONG 32/14A Nguyen Thai Son To 16, P.7 (Sau Vo Ca Dinh), Go Vap, HCMinh City DECEASED'S NAME:	4/1/35								Needs: IV x LOI _x Comple
	DAM MINH VIEM		Lt. Col.	1975	4/15/76					
20/WP-0043	LO TRINH HUNG (Son) ** X7, To Hien Thanh P.20, Q.10, HCMinh City Vietnam DECEASED'S NAME:	2/20/50								Needs: IV x LOI _x Comple
	LO NGAN DZUNG	1926	Lt. Col.	1975	10/78					

Xã, Thị trấn:

Thị xã, Quận:

Thành phố, Tỉnh:

10

HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 10

Quyền số 01

Họ và tên:	LỖ NGÂN ĐUNG
Nam hay nữ:	nam
Sinh ngày tháng năm:	1926
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt - Nam
Nơi ĐKNK thường trú:	95A - TD 63/YH - Sơn La
Ngày tháng năm chết:	mười hai, tháng mười, năm bảy tám 12-10-1978
Nơi chết:	Sơn La
Nguyên nhân chết:	xuất huyết não
Họ tên tuổi người báo tử:	Lê thị Mỹ Linh
Nơi ĐKNK thường trú:	X 7 Tô Hiến thành 220 quận 10
Số giấy CM, giấy CNCC:	6539 / TTV
Quan hệ với người chết:	con

Nhận thực sao y bản chính

ngày 7 tháng 9 năm 1984

TM/UBND quận 10

(Ký tên đóng dấu)

Đăng ký ngày 26 tháng 10 năm 1978

TM/UBND quận 10

(Ký tên đóng dấu)

Ủy viên thư ký
Trần Văn Minh
(đã ký)

Xã, Thị trấn:

10

Thị xã, Quận:

Thành phố, Tỉnh:

HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG TỬ

Số 10

Quyền số 01

Họ và tên:

LÊ NGÂN DUNG

Nam hay nữ:

NAM

Sinh ngày tháng năm:

1926

Dân tộc:

Kinh

Quốc tịch:

Việt - Nam

Nơi ĐKNK thường trú:

95A - TB 63/YH - Sơn La

Ngày tháng năm chết:

mười hai, tháng mười, năm bảy tám
12-10-1978

Nơi chết:

Sơn La

Nguyên nhân chết:

xuất huyết não

Họ tên tuổi người báo tử:

Lê Thị Mỹ Linh

Nơi ĐKNK thường trú:

X 7 Tô Hiến thành 120 quận 10

Số giấy CM, giấy CNCC:

6539 / TSV

Quan hệ với người chết:

con

Nhận thực sao y bản chính

ngày 7 tháng 9 năm 1984

TM/UBND

quận 10

(Ký tên đóng dấu)

Chánh Văn Phòng

Đã ký ngày 26 tháng 10 năm 1978

TM/UBND

quận 10

(Ký tên đóng dấu)

Ủy viên thư ký
Trần Văn Minh
(đã ký)

BỘ NỘI VỤ
TRẠI CẢI TẠO:

(CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

95A - TD 63/YH
Số: 07/VP/HS

Sơn La, ngày 13 tháng 10 năm 1978

KÍNH GỬI : UBND Phường Nguyễn Tri Phương
Quận 10 - TP- Hồ-Chí-Minh

Ban Giám Thị Trại Cải Tạo 95A-TD 63/YH yêu cầu Ủy Ban Nhân Dân Phường, xã báo cho Bà NGUYỄN THỊ DÍNH được biết ~~tin anh là NGÂN ZOUN~~ sinh năm 1926 - Sinh quán Bát Xát Lào Cai - Trú quán : X-7 Tô Hiến Thành Quận 10 Thành Phố Hồ-Chí-Minh.

Được học tập cải tạo tại trại 95A -TD 63/YH vừa qua đã bị bệnh xuất huyết não, mặc dù Ban Giám Thị và các Bác Sĩ, Y Sĩ đã hết lòng chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh quá nặng nên đã chết lúc 7giờ30 ngày 12/10/78 tại Bệnh Viện Tai Huyện Phú Yên, Sơn La.

Ban Giám Thị đã tổ chức chôn cất tại Nghĩa địa thôn...
Xã.... Huyện Phú Yên Tỉnh Sơn La.

Đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Phường Nguyễn Tri Phương báo cho Bà DÍNH là thân nhân người chết nói trên biết.

Sao gửi: GIÁM THỊ TRẠI
đã ký: Đại Ủy ĐẶNG UYÊN

Đề nghị Ủy Ban Phường 20 / SAO Y BẢN CHÁNH / Ngày 20 tháng 10 năm 1978
Báo cho gia đình thân nhân biết. TM. TIỂU BAN QUẢN HUẤN Q.10
(đã ký và đóng dấu)
TRẦN HÀM NINH

/~AO Y K' (hành phố Hồ-Chí-Minh, ngày 24/10/78

ỦY BAN PHƯỜNG 20
ỦY BAN QUẢN LÝ
HUYỆN SƠN TRI

BỘ NỘI VỤ
TRẠI CẢI TẠO:

95A - TD 63/YH

Số: 07/VP/HS

(CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM)
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Sơn La, ngày 13 tháng 10 năm 1978

KÍNH GỬI : UBND Phường Nguyễn Tri Phương
Quận 10 - TP- HỒ-CHÍ-MINH

Ban Giám Thị Trại Cải Tạo 95A-TD 63/YH yêu cầu Ủy Ban Nhân Dân Phường, xã báo cho Bà HỒNG THỊ DÍNH ~~quốc tịch Anh - Mỹ - Canada~~ sinh năm 1926 - Sinh quán Bát Xát Lào Cai - Trú quán : X-7 Tổ Hiến Thành Quận 10 Thành Phố Hồ-Chí-Minh.

Được học tập cải tạo tại trại 95A - TD 63/YH vừa qua đã bị bệnh xuất huyết não, mặc dù Ban Giám Thị và các Bác Sĩ, Y Sĩ đã hết lòng chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh quá nặng nên đã chết lúc 7 giờ 30 ngày 12/10/78 tại Bệnh Viện Tai Huyện Phú Yên, Sơn La.

Ban Giám Thị đã tổ chức chôn cất tại Nghĩa địa thôn...
Xã.... Huyện Phú Yên Tỉnh Sơn La.

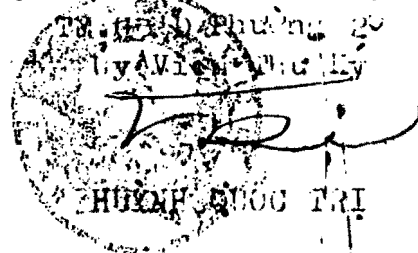
Đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Phường Nguyễn Tri Phương báo cho Bà DÍNH là thân nhân người chết nội trên biết.

Sao gửi:

GIÁM THỊ TRẠI
đã ký: Đại Ủy ĐẶNG UYÊN

/ SAO Y BẢN CHÍNH / Ngày 20 tháng 10 năm 1978
Đề nghị Ủy Ban Phường 20 TM. TIỂU BAN QUẢN HUẤN Q.10
Báo cho gia đình thân nhân biết. (đã ký và đóng dấu)
TRẦN HÀM XINH

/ SAO Y K' (hành phố Hồ-Chí-Minh, ngày 24/10/78



VIỆT-NAM CỘNG HÒA

THẺ CÁN CƯỚC

Số

012345678

Họ và tên

LÔ NOÂN DZUNG



Ngày sinh

03-04-1926

BaKot Lao Kay

Quê

Lô văn Phú (o)

Số

Số Máy Quân

Địa chỉ

X7 CXXH Phu Tho Saigon

Chiều cao 1m 70
Nặng 60kg
Mắt xanh
Mũi thẳng
Mồm rộng
Chân 2,5 dưới khoe
Mắt phải.

Chức vụ đương cử:

Số

Ngày 11-04-1970

THỦ LƯU GIAM ĐỐC CÁN SÁT QUÂN
Thủ Trưởng Ty Cảnh Sát Quận 1

TỔNG VẤN TỈNH

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

1355C./AN

Họ, tên *Lê Văn Dũng*

Ngày, tháng, năm sinh *02/04/1926*

Sinh quán *Lưu Cầu*

Chỗ ở hiện tại, *X 7, P. Giàn, Thành SG 10*

Trước từng sự tại *nhà cũ: Tân*

Cấp bậc *Trung tá* Chức vụ *nhà sự phòng An ninh*

Số quân *46/200.723*

Thẻ căn cước số *04299011*

Đền trình diện ngày *3* tháng *5* năm *1975*

Tại *91 Tân Hoàng Quân*

Sau trình diện về cư trú tại *X 7, P. Giàn, Thành SG 10*

Có nộp các thứ sau đây :

1. căn cước

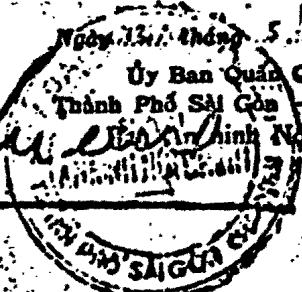
... (có biên nhận kèm theo)

Ngày *12* tháng *5* năm *1975*

Ủy Ban Quản Quân

Thành Phố Sài Gòn — Gia Định

Trưởng ban Nội chính



CAO ĐẲNG CHIÊM

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn : _____

Thị xã, Quận : MƯỜI

Thành phố, Tỉnh : _____

BẢN SAO
GIẤY CHỨNG TỬSố 01Quyển số 01

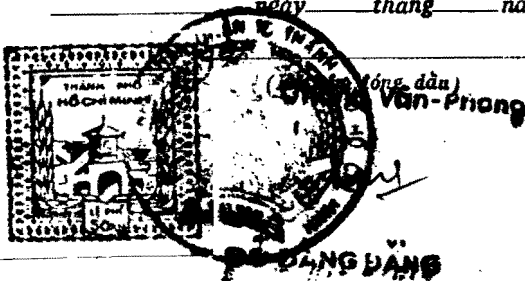
Họ và tên :	<u>NGUYỄN THỊ DIỄM</u>
Nam hay nữ :	<u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng năm :	<u>11-03-1930</u>
Dân tộc :	<u>NGƯỜI</u>
Quốc tịch :	<u>Việt-Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	<u>1.7 Đường Tô Hiến Thành, Phường 20</u> <u>Quận 10</u>
Ngày tháng năm chết :	<u>01-01-1983</u>
Nơi chết :	<u>Nhà</u>
Nguyên nhân chết :	<u>BỆNH</u>
Họ tên tuổi người báo tử :	<u>LÊ TRỊNH HỒNG</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	
Số giấy CM giấy CNCC :	
Quan hệ với người chết :	<u>CON</u>

Đăng ký ngày 07 tháng 01 năm 1983

TM/UBND _____

Nhận thực sao y bản chính

ngày _____ tháng _____ năm _____

(Ký tên đóng dấu)
Ủy Viên Thư Ký
(ký tên và đóng dấu)
NGUYỄN VĂN BÈ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn : _____

Thị xã, Quận : MIỀN

Thành phố, Tỉnh : _____

BẢN SAO GIẤY CHỨNG TỬ

Số 01

Quyển số 01

Họ và tên :	<u>NHƯNG THỊ DINH</u>
Nam hay nữ :	<u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng năm :	<u>11-03-1930</u>
Dân tộc :	<u>NHƯNG</u>
Quốc tịch :	<u>Việt-Nam</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	<u>X.7 Đường Tô Hiến Thành, Phường 20</u> <u>Quận 10</u>
Ngày tháng năm chết :	<u>01-01-1983</u>
Nơi chết :	<u>Nhà</u>
Nguyên nhân chết :	<u>BỆNH</u>
Họ tên tuổi người báo tử :	<u>LÊ TRỊNH HỒNG</u>
Nơi ĐKNK thường trú :	
Số giấy CM giấy CNCC :	
Quan hệ với người chết :	<u>CON</u>

Đăng ký ngày 07 tháng 01 năm 1983

TM/UBND _____

Nhận thực sao y bản chính

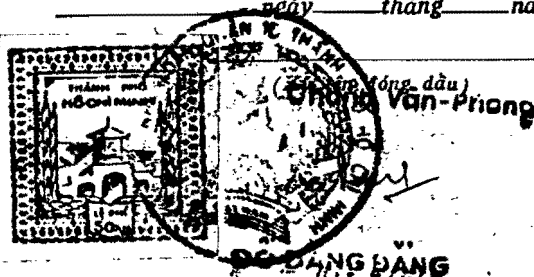
ngày _____ tháng _____ năm _____

(Ký tên đóng dấu)

Thị Viên Thư Ký

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN VĂN BÈ



EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

MARCH 25, 1985

TO WHOM IT MAY CONCERN:

LO TRINH HUNG	BORN 20 FEBRUARY 1950	(IV 083769)
TRAN THI NGOC	BORN 13 FEBRUARY 1949	"
LO THI NGOC BICH	BORN 17 FEBRUARY 1978	"
LO NGOC BAO	BORN 16 JUNE 1982	"

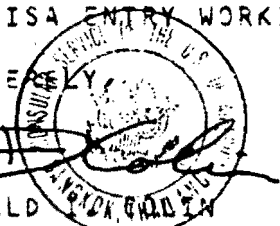
ADDRESS IN VIETNAM: X7 TO HIEN THANH, P. 20, Q. 10,
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

VEWL#:024402

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TREN DAY DI BANGKOK, THAI-LAN, DE NOP DON TAI SU QUAN MY DE SANG HOA KY, VOI DIEU KIỆN HO DUOC KHAM SUC KHOE TAI VIET NAM, VA DUOC PHONG VAN QUA DAI DIEN CAO UY LIEN HIEP QUOC DAC TRACH TY NAN (UNHCR). CHUNG TOI YEU CAU GIOI THAM QUYEN CAP CHO HO GIAY XUAT CANH CUNG NHUNG GIAY TO CAN THIET DE ROI VIET NAM. / THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED NATIONS HIGH COMMISSIONER FOR REFUGEES (UNHCR). WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY. / THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHORITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,


DONALD
DIRECTOR
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

ODP-1
10/81

TP Hồ Chí Minh, ngày 26/7/1988

Kính thưa Bà,

Tôi tên là LÔ TRINH HÙNG sinh ngày 20/2/1950 tại VN. Nay tôi viết thư này kính nhờ Bà giúp đỡ cho chúng tôi được định cư tại Hoa Kỳ theo chính sách nhân đạo. Bà tôi là ông LÔ NGÂN DZUNG trước từng ở tại Nha Kỹ Thuật, cấp Lữ Trưởng Tái, chức vụ Chủ Sở Phòng An Ninh, số quân 46/300.773. Sau ngày 30/4/1975, bà tôi có đi trình diện học tập và đã chết trong trại cải tạo ngày 12/10/1978 (có lệnh kèm giấy chứng nhận). Thời gian vì đời sống kinh tế khi đó còn công thêm sự căng thẳng về tinh thần, vì gia đình tôi có liên quan với chế độ cũ, nên tôi bà NỮN THỊ DIỄN cũng qua đời vì bệnh ung thư. Với các lý lịch bà tôi là sĩ quan ngày, gia đình tôi hiện đang gặp khó khăn rất nhiều. Chúng tôi đã gửi đơn xin (xin cấp) định cư tại Hoa Kỳ theo chương trình ưu di có thật tế, vì thế chính quyền VN cấp thông hành:

Số Thông Hành

Liên hệ gia đình
chủ gia đình
V3

1. LÔ TRINH HÙNG - 47942 TH
2. TRẦN THỊ NGỌC - 47944 TH
3. LÔ PHẢI HÙNG - 47950 TH
4. Phạm Thị Mai Hương - 35/87-DC 1
5. Lê Kim Thủy - 47943 TH
6. Lê Thị Mỹ Linh - 47944 TH
7. Lê Thị Thanh Loan - 47948 TH

Em trai
Em dâu
Em gái
Em gái
Em gái

8. Lỗ Trình Khôi - 47945 TH Em trai
 9. Lỗ Trình Giang - 47946 TH Em trai
 10. Lỗ Trình Hào - 47947 TH Em trai

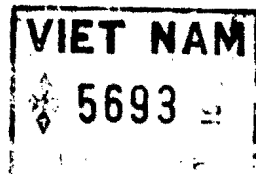
Tôi định kèm theo đây giấy tờ của Ba tôi và của gia đình
 kính mong sự giúp đỡ của Bà. Đồng thời tôi đã xin một địa
 chỉ ở Pháp từ Bà, có thể liên lạc với chúng tôi vì nên liên
 lạc thông từ Hoa Kỳ sang Việt Nam phải rất 6 thông. Mọi
 liên lạc với chúng tôi, Bà hãy gửi về:

Mlle. NUNG THI TÂM

Một lần nữa tôi thành thật cảm ơn sự giúp đỡ của
 Bà, và chúng tôi rất mong chờ trả lời của Bà.

Kính thư.

Lỗ Trình Hạng.



PAR AVION

Tu nhận
chết

To: MRS KHUC-MINH-THO PRESIDENT
FAMILIES VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION PO. BOX. 5435.
ARLINGTON VA-22.205-0635.

U. S. A .



PAR AVION VIA AIR MAIL

WP-0043



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM



HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 35/87DC1

Hộ chiếu này gồm 32 trang
Ce passeport contient 32 pages

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

Cộng hòa Pháp

République Française

và hết hạn ngày *30.8.1990*

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

sauf en cas de renouvellement.

Cấp tại *Hà Nội* ngày *25* tháng *8* năm *1987*

Phát ở *CỤC QUẢN LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU HÀ NỘI*



Hoàng Liên

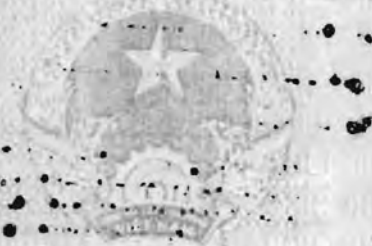
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1 <i>Lô Thiên Phước</i>	<i>1983</i>
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



BỊ CHỮ — NOTES



THỊ THỰC — VISAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 35-SC

Cấp *Phạm Thị Mai Hương*

Cùng với

Đi đến

1
Cộng hòa Pháp

Quê của kiều

Đàn Sơn nhất

Điểm ngày

28.02.1988

Hà Nội ngày *25 tháng 8 năm 1987*

CỤC QUẢN LÝ MIỀN BÊN TRONG
XUẤT CẢNH NHẬP CẢNH

T/L Cục trưởng
Trưởng phòng



Hương Liên

Họ tên PHẠM THỊ MAI HƯỜNG
Nom et prénoms

Ngày sinh 10.02.1963
Date de naissance

Nơi sinh Xã Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở X7 Hồ Hiến Thành Q10
Domicile

Quốc tịch Việt nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM



HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 35/87DC1

Hộ chiếu này gồm 32 trang
Ce passeport contient 32 pages

Họ tên PHẠM THỊ MAI HƯỜNG
Nom et prénoms

Ngày sinh 10.02.1963
Date de naissance

Nơi sinh Xã Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở X7 Đô Hiến Thành Q10
Domicile

Quốc tịch Việt nam
Nationalité

Nghề nghiệp /
Profession

Nhận dạng Chieu cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

THỊ THỰC — VISAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 35-SC

Cấp cho *Phạm Thị Mai Hương*

Cùng với

Đi đến *Cộng hòa Pháp*

Qua cửa khẩu *Đầu Sỏi nhất*

Thời hạn *28.02.1988*

Hà Nội ngày *25 tháng 8 năm 1987*

CỤC QUẢN LÝ NGƯỜI NHẬP QUỐC

XUẤT CẢNH NHẬP CẢNH SỐ 001/80

T/L Cục trưởng

Trưởng phòng



Trưởng phòng

Hộ chiếu này có giá trị đi đến

Ce passeport est valable pour se rendre

Cộng hòa Pháp

République Française

và hết hạn ngày *30.8.1990*

IL expire le

trừ khi được gia hạn

sauf en cas de renouvellement.

Cấp tại *Hà Nội* ngày *25* tháng *8* năm *1987*

Fail à *CỤC QUẢN LÝ NGƯỜI MƯỢT NGƯỜI RA
XUẤT HÀNH NHẬP HÀNH XÓM YẾU
TỔ CỤC QUẢN LÝ*

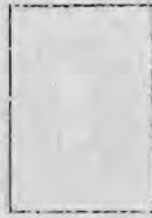


Hoàng Liên

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1 <i>Lô Thiên Phước</i>	<i>1983</i>
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Được xuất cảnh đến Hợp chủng quốc Hoa Kỳ



Ngày 2-6-85

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº *4794TH*



Họ tên **LÔ TRINH HẢO** nam, nữ
Name in full

Ngày sinh **1965**
Date of birth

Quốc tịch **Việt Nam**
Nationality

Nghề nghiệp **Học sinh**
Profession

Địa chỉ thường trú **Xã Bô Hiến Chánh Quận 10**
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30-4-1984**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu **Bến Sơn nhứt**
Point of passage on the frontier

Đi đến nước **Cộng hòa pháp**
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30-4-1984**
This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh ngày **30-4-1983**
Issued at



Nguyễn Văn

WP-0043
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Được xuất cảnh đến Hợp chủng quốc
Hoa Kỳ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 47949TH,



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

ngoc

Họ tên TRẦN THỊ NGỌC nam, nữ
Name in full sex

Ngày sinh 1949
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Công nhân
Profession

Địa chỉ thường trú X. Gò Hiến Chánh Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Cần Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng Hòa Pháp
For

Trẻ em cùng đi: Hai
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on
<u>Lô Ngọc Bích</u>	<u>1978</u>
<u>Lô Ngọc Bảo</u>	<u>1982</u>

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983
Issued at



Nguyễn Dân

WP. 0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children



GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Được xuất cảnh đến Hợp chủng quốc



Hoa kỳ
3-6-1985

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

SỐ
Nº 4794674,



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

[Handwritten signature]

Họ tên **LÔ TRINH GIANG** Nam, nữ
Name in full sex

Ngày sinh **1962**
Date of birth

Quốc tịch **Việt Nam**
Nationality

Nghề nghiệp
Profession

Địa chỉ thường trú **X₇ Gò Hiến Chính Quận 10**
Permanent domicile

Được phép rời cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30.4.1984**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu **Bán Sơn nhất**
Point of passage on the frontier

Đi đến nước **Cộng hòa pháp**
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30.4.1984**
This laissez-Passer expires on

Cấp tại **TP Hồ Chí Minh** ngày **30.4.1983**
Issued at



[Handwritten signature]

WP-0043
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN -- RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC -- VISAS

BỊ CHỮ -- REMARKS

Đã vượt cảnh giới Hợp chủng quốc



Hoa Kỳ
ngày 3-6-1975

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ - PASSER

SỐ
Nº 41945TK,



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên LÔ TRINH KHÔI nam, ~~nữ~~

Name in full

Ngày sinh 1961

Date of birth

Quốc tịch Việt Nam

Nationality

Nghề nghiệp —

Profession

Địa chỉ thường trú X. Gò Hiến Thành

Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30-4-1984

Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bà Sơn nhất

Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa pháp

For

Trẻ em cùng đi:

Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30-4-1984

This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30-4-1983

Issued at



Nguyễn Đình

WP-4043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____
on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____
on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Được vượt biên tại TP. Hồ Chí Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 47948TH



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Thư

Họ tên LÔ THỊ THANH LOAN nam nữ
Name in full sex

Ngày sinh 1959
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Đan Len
Profession

Địa chỉ thường trú X₇ Cô Hiến Chánh Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Cần Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến trước Cộng hòa pháp
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983
Issued at



Nguyễn Văn

WP. 0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____
on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Đi lại các địa phương khác



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____
on

SỐ
Nº 17344711



Họ tên LÔ THỊ MỸ LINH nữ
Name in full sex

Ngày sinh 1956
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Chợ may
Profession

Địa chỉ thường trú X. Gò Hiến Thành Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bến Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa pháp
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-*Passer* expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983
Issued at



Nguyễn Văn

WP. 0043
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Minh

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Đi về quê từ ngày 1/10/71



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

SỐ 17943 Mi 1



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

[Signature]

Họ tên LÔ KIM THỦY ²
Name in full nữ, nữ
sex

Ngày sinh 1954
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Công nhân
Profession

Địa chỉ thường trú X₇ Gò Hiên, Thành Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bà Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng Hòa pháp
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại PHC Chi Minh ngày 30.4.1983
Issued at



Nguyễn Đức

WP-0943
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày
on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày
on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Được xuất cảnh đến Hợp chủng quốc



Hồ sơ lý
Ngày 3-6-1985

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 47950TH₁

ĐƠN MANG GIẤY THÔNG HÀNH ĐI ĐẾN CÁC QUỐC GIA
ĐƠN MANG GIẤY THÔNG HÀNH ĐI ĐẾN CÁC QUỐC GIA



GIẤY THÔNG HÀNH

123456789 - PASSER

Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên LÔ TRINH PHỤNG nam, nữ
Name in full

Ngày sinh 1957
Date of birth

Quốc tịch Việt nam
Nationality

Nghề nghiệp Giáo Viên HTX
Profession

Địa chỉ thường trú XI Co Xuân Khanh
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30. 04. 1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Cần Sơn Nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa Pháp
For

Trẻ em cùng đi: 01 01 01
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30. 04. 1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại Tp Hồ Chí Minh ngày 30. 04. 1983
Issued at



Nguyễn Văn

WP - 0043
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children
Kính gửi các cơ quan chức năng và các đơn vị liên quan để
để làm việc và xử lý theo quy định của pháp luật.

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30. 04. 1984
This laissez-Passer expires on

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Được xuất cảnh đến H. 7 chứng quốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 4794277



Chữ ký của người mang giấy thông hành

Signature of bearer

[Handwritten signature]

Họ tên **LÔ TRINH HÙNG** nam, nê

Name in full

Ngày sinh **1950**

Date of birth

Quốc tịch

Nationality

Nghề nghiệp

Profession

Địa chỉ thường trú

Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30-4-1984**

Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu

Point of passage on the frontier

Đi đến nước

For

X₇ Gò Hiến Chánh Quận 10

Bán Sơn nhất

Cộng hòa pháp

Trẻ em cùng đi:

Accompanying children

Họ tên - Name in full	Ngày sinh - Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30-4-1984**

This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày **30-4-1985**

Issued at



Nguyễn Dân

WP-0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____

on

THỰC THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Đi xuất cảnh đến Hà Nội chứng qua



Ngày 20-5-1965

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 21794271



Chữ ký của người mang giấy thông hành

Signature of bearer

[Handwritten signature]

Họ tên **LÔ TRINH HƯNG** nam, trẻ

Name in full

Ngày sinh **1950**

Date of birth

Quốc tịch

Nationality

Nghề nghiệp

Profession

Địa chỉ thường trú

Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30-4-1954**

Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu **Bán Sơn nhất**

Point of passage on the frontier

Đi đến nước

For

Cộng hòa pháp

Trẻ em cùng đi

Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30-4-1954**

This laissez-passes expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày **30-4-1954**

Issued at



WP - 0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI

Photograph of accompanying children

GIA HẠN - RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

THỊ THỰC - VISAS

BÍ CHỮ - REMARKS

Được một cảnh sát hợp chủng quốc

Hoạt động

Ngày 3-6-1985



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ - PASSER

SỐ
Nº 47947TH,



Chữ ký của người mang giấy thông hành

Signature of bearer

Họ tên **LÔ TRINH HẢO** nam, nữ
Name in full

Ngày sinh **1965**
Date of birth

Quốc tịch **Việt Nam**
Nationality

Nghề nghiệp **Học sinh**
Profession

Địa chỉ thường trú **Xã Gò Hiến Chánh Quận 10**
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30-4-1984**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu **Bến Sơn nhứt**
Point of passage on the frontier

Đi đến nước **Cộng hòa pháp**
For

Trẻ em cùng đi:

Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30-4-1984**

This laissez-Passer expires on

Cấp tại **TP Hồ Chí Minh** ngày **30-4-1983**

Issued at



Nguyễn Văn

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____
on _____

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHÚ — REMARKS

Được xuất cảnh đến Hợp chủng quốc
Hoa Kỳ
3-6-55



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____
on _____

SỐ
NR 45946N

WP. 0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children



Họ tên **LÔ TRINH GIANG**
Name in full

Ngày sinh **1962**
Date of birth

Quốc tịch **Việt Nam**
Nationality

Nghề nghiệp
Profession

Địa chỉ thường trú **Xã Gò Hiếu Chính Quận 10**
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **30.4.1984**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu **Bến Sơn nhất**
Point of passage on the frontier

Đi đến nước **Cộng hòa ghp**
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên - Name in full	Ngày sinh - Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **30.4.1984**
This laissez-Passer expires on

Cấp tại **Đ.Hồ Chí Minh** ngày **30.4.1983**
Issued at



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

[Handwritten signature]

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-passes is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-passes is extended to

ngày _____

on

THỰC — VISAS

H) CHÚ — REMARKS

Đi công tác cuối tuần H) chứng minh



H. X. H.

ngày 7-6-1985

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 47945TX,



Họ tên LÔ TRINH KHÔI nam, trẻ
Name in full

Ngày sinh 1961
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp ---
Profession

Địa chỉ thường trú X. Xã Hiến Chính
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bán Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa pháp
For

Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

[Signature]

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983
Issued at



Nguyễn Văn

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

WP-0043

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỜI THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Được vượt biên giới 23 tháng 10 năm 1960



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

SỐ
H 47048TH



ĐIỀU CHỈNH VÀO

ĐIỀU CHỈNH VÀO

Chữ ký của người mang giấy thông hành

Signature of bearer

Trần Văn

Họ tên **LÔ THỊ THANH LOAN** nữ

Name in full

Ngày sinh

1959

Date of birth

Quốc tịch

Việt Nam

Nationality

Nghề nghiệp

Đan Len

Profession

Địa chỉ thường trú

X. Gò Hiên Chánh Quận 10

Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984

Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu

Bến Sơn nhất

Point of passage on the frontier

Bi đến bước

Cộng hòa pháp

For

Trẻ em cùng đi:

Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984

This laissez-Passer expires on

Cấp tại Đ. Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983

Issued at



Nguyễn Văn

WP-0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI

Photograph of accompanying children

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỦ — REMARKS

Phải must cảnh sát Hợp chủng quốc?



*Hoa Kỳ
Ngày 3-6-1975*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

SỐ
Nº 17944 D,



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên LÔ THỊ MỸ LINH ông, nữ
Name in full sex

Ngày sinh 1956
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Chợ may
Profession

Địa chỉ thường trú X. Gò Hiến Thành Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30.4.1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bà Nà Sơn nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa pháp
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên - Name in full	Ngày sinh - Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30.4.1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại TP Hồ Chí Minh ngày 30.4.1983
Issued at



ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

WP-0043

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

Chuyến công tác lần đầu tiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

Số 17943 Di 1

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____
at _____

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

_____ ngày _____
at _____

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỦ — REMARKS

*Được xuất cảnh đến Mỹ chứng quốc
Hội 3-6-1985*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

SỐ 47950TH₁

MARK TÊN KINH LƯU LỊCH LỊCH KINH LỊCH
MARK TÊN KINH LƯU LỊCH LỊCH KINH LỊCH



HAHN THONG YAIQ

9322A9 - 53221A1

Chữ ký của người mang giấy thông hành

Signature of bearer

[Signature]

Họ tên LÔ TRINH PHỤNG nam, 1951
Name in full

Ngày sinh 1951
Date of birth

Quốc tịch Việt nam
Nationality

Nghề nghiệp Đã Viên HIX
Profession

Địa chỉ thường trú XI. Co Viên Thanh
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30. 04. 1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Bãi Sỏi Nhất
Point of passage on the frontier

Đi đến nước Cộng hòa Pháp
To

Trẻ em cùng đi: 1 - PHUOT HUY
Accompanying children

Họ tên - Name in full	Ngày sinh - Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30. 04. 1984
This laissez-Passer expires on

Cấp tại Tp Hồ Chí Minh ngày 30. 04. 1983
Issued at



[Signature]

WP - 0043
ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children
- 20 -
- 20 -

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Được xuất cảnh từ Hợp chủng quốc



GIẤY THÔNG HÀNH

LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày _____

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày _____

on

SỐ
Nº 47949M,



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Ngọc

Họ tên TRẦN THỊ NGỌC nữ, nữ
Name in full sex

Ngày sinh 1949
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp Công nhân
Profession

Địa chỉ thường trú X Xã Hiến Chánh, Quận 10
Permanent domicile

Được phép xuất cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 30-4-1984
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu Cần Sơn nhất
Point of passage on ^{the} frontier

Đi đến nước Viet Nam
For

Trẻ em cùng đi: Hai
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on
<u>Lô Ngọc Bích</u>	<u>1978</u>
<u>Lô Ngọc Bảo</u>	<u>1982</u>

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 30-4-1984
This laissez-passer expires on

Cấp tại PHố Chi Minh ngày 30-4-1983
Issued at



WP-0043

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children



LO LAMN - Hung
X7 TÔ. Hiên Thành Q. 10
Hô Chi - Minh

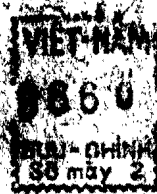
Từ nhà
S. Việt Nam
Wp. 0043
1988

Thư nhân dân
với passport đi
chuyến

MÁP BAY
PAR AVION

R A A
No 2 8

PAR AVION VIA AIR MAIL



Miss Khuc Minh - Tho.
President Families of Vietnamese
Political Prisoners Association
P.O. Box 5435
Arlington VA 22205-0635
USA.



WP-0043

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THIỆ CĂN-CƯỚC

Số 02795037

Họ Tên LỖ TRINH HÙNG



Ngày, giờ sinh 20-2-1950 tại

Tràoky, Bắc Phan

Cha Lỗ Ngân Dzung

Mẹ Nùng thị Dĩnh

Địa chỉ X-7 cư xá H.H Phú Thọ

Dầu vôi riêng:

Tan, nhang/7 trên sau
cười may trại.

Cao: 1 th 64

Nặng: 47 Kg

Chữ ký đương sự:

Ngón trỏ mặt



Saigon, ngày 1-10- 19 69

TUN. GIAM ĐOC CANHSAT QDT
Trưởng-Ty CSQG. Quan- 10

Ngón trỏ trái



ĐỖ ĐÌNH LÂN

WP-0043

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 02795037

Họ Tên LÔ TRINH HÙNG



Ngày, giờ sinh 20-2-1950 tại

Đaokay, Bắc Phan

Cha Lỗ Ngân Dzung

Mẹ Nùng thị Dĩnh

Địa chỉ X-7 cư xá H.H Phú Thọ

Dấu vết riêng:

Tan nhang/7 trên sau
đuôi máy trại.

Cao: 1 th 64

Nặng: 47 Kg

Chữ ký đương sự:



Saigon, ngày 1-10-1969

TUN. GIAM ĐOC CANHSAT QGT
Trưởng-Ty CSQG Quan-10

Nghĩa trở mặt



Nghĩa trở trái



ĐỖ ĐÌNH LÂN

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020225609

Họ tên: TRẦN THỊ NGỌC

Sinh ngày: 13-02-1949

Nguyên quán: Nam Định,

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: 242/16 Nguyễn-
Thiên Thuật, TP Hồ Chí Minh



Họ và tên:

Kim

Tôn giáo:

Phật

ĐẦU VẾT KIỂNG HOẶC DẤU HẾT

Sẹo chàm cách 1,2cm
trên sau đầu mày
trái.

Ngày 31 tháng 7 năm 1978

KY GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÀI CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dũng *Phó*

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020225609

Họ tên: TRẦN THỊ NGỌC



Sinh ngày 13-02-1949

Nguyên quán Nam Định,

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú 242/16 Nguyễn-
Thiên Thuật, TP Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Hinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT TRƯNG HOẶC LỖ ĐINH

Sẹo chàm cách 1,2cm
trên sụn đầu mỷ
trái.

Ngày 31 tháng 7 năm 1978

KIỂM ĐỌC HOẶC TRƯỞNG TÌ CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Duy. Học

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số

00321121

Họ Tên

LÔ-KIM-THỦY

Ngày, nơi sinh

04-03-1954

Hà - Nội

Cha

Lô-ngân-Dzung

Mẹ

Nung-thị-Dĩnh

Địa chỉ

35 Phước-Hưng Sài Gòn.



Tên ngang Tên ngang sau đuôi 58

mày phải./-

58 38

Chữ ký được sự:

Sàigòn, ngày 04-04-1969
TUN. Giám-Đốc Cảnh Sát QGĐT
Trưởng-Ty CSQG Quận 5

NGUYỄN-VAN-BÀNG



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 11111111

Họ Tên LÔ-KIM-THỦY



Ngày, nơi sinh 04-03-1954

Hà - Nội

Cha Lô-ngân-Dzung

Mẹ Nung-thị-Dĩnh

chỉ 35 Phước-Hưng Sài Gòn.

Tên nhang sau đuôi

Cao 1 m 58

mày phải./-

Nặng 38

Chữ ký được sự:

Sàigòn, ngày 04-04-1969
TUN. Giám-Đốc Cảnh Sát QGĐT
Trưởng-Ty CSQG Quận 5

NGUYỄN-VĂN-BÀNG



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THIỆ CẦN QUỐC

08684307

Tên **LÔ-THỊ-MỸ-LINH**

Ngày, nơi sinh **2-5-1956** tại

Đa ở

Lô Ngân Dzung

Nung thị Dành

Địa chỉ **X.7 cư xá H.N Phú-Tho**

Chăm sóc giữa 2 đầu
mày.

Cao: 1 m 54

Nặng:

44

Kg

Chữ ký đương sự:

Nguyễn Việt Thục

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



Saigon, ngày 01-3-1971
TUN. GIAI ĐOC CANH SAT CGDT
Pho Truong-Ty CSQG Quan 10

Nguyễn Việt Thục

NGUYỄN-VIỆT-THỤC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THIỆ CẦN CƯỚC

Q8684307



Tên **LÔ-THỊ-MỸ-LINH**

Ngày, nơi sinh **2-5-1956** tại

Đa at

Lô Ngân Dzung

Nung-thị-Dinh

Địa chỉ **X.7 cũ xã H.N Phú-Tho**

Chạm seọ giữa 2 đầu
mày.

Cao: 1 m 54

Nặng.

44

Kg

Chữ ký đương sự:

Nguyễn Việt Thục

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



Saigon, ngày 01-3-1971
TUN. GIAI ĐOC CANH SAT QGDT
Pho Truong-Ty CSQG Quan 10

Nguyễn Việt Thục

NGUYỄN-VIỆT-THỤC

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020727479

Họ tên **LỖ THỊ THUẬN, LOAN**



Sinh ngày 09-05-1959

Nguyên quán Bà Xát,

Hồng Liên Sơn

Nơi thường trú X7 Tô Hiến Thành,

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

二、

Thôn

NGON TRU TRAINING

NGON THAI PHAI

Ngày 05 tháng 3 năm 1961

T. L. U. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHỐ. T. U. CÔNG AN QUẬN 10

Ernst van Rye



WP-0043
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020727479

Họ tên: LỖ THỊ THUẬN LOAN

Sinh ngày: 09-05-1959

Nguyên quán: Bà Xát,

Hoàng Liên Sơn

Nơi thường trú: X7 Tô Hiến Thành

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

1) ၆၈ ဝေဒ:

250

Tôn giáo :

Thôn

DẤU VẾT PIẾNG, HOẶC DI HƯNG.

CONTROL TRAIN

2 sọc chẵn gần nhau
1,2cm, cách 2cm trên
sọc sọc, mũi nhọn

Ngày 05 tháng 3 năm 1961.

NGUYEN THI PHAI

T. LƯU QUẢN ĐỐC HỌC TRƯỜNG TỰ CÔNG AN
PHỤ TRÁCH CÔNG AN QUÂN DO

Uppdränning

WP.0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02072748

Họ tên: LÔ PHÌNH KHÔI

Sinh ngày 14-07-1961

Nguyên quán Bà Xát,

Huyện Liên Sơn.

Nơi thường trú 7 Phố Hiến Thành,

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Khơng

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cánh mũi
phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 08 tháng 03 năm 1979

T.Ư. KH. PH. Đ. C. Đ. C. TRƯỞNG T. C. CÔNG AN
P. Q. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Phạm Văn Kỳ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 02072748



Họ tên: LO TRINH KHÔI

Sinh ngày 14-07-1961

Nguyên quán: Bà Xát,

Huyện Liên Sơn.

Nơi thường trú: 7 Tô Hiến Thành,

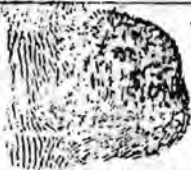
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Đã n tôc

Không

Tôn giáo

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cánh mũi
phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 02 tháng 02 năm 1979

T. UYỂN PHÁN ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN
P. P. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN 10



Trần Văn Kỳ

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020727482

Họ tên: LỖ TRINH GIANG

Sinh ngày: 29-06-1962

Nguyên quán: Ba Xát,

Hoàng Liên Sơn.

Nơi thường trú: X7 Tô Hiến Thành,

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Tiêng

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

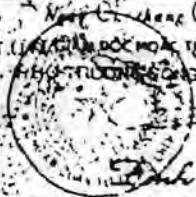
NGONTRONAI

Sao bằng直径 1,1 cm
cách 1,5 cm trên đầu
ngón cái

Năm 07 tháng 07 năm 1979

NGONTRONAI

T. (L) (A) (M) (D) (H) (A) (C) (T) (R) (U) (O) (N) (G) (A) (N)
H. (H) (A) (T) (U) (O) (N) (G) (A) (N) (Q) (U) (A) (N) (D)



Đinh Văn Kỳ

WP.004B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020727482

Họ tên: LỖ TRINH GIANG

Sinh ngày: 29-06-1962

Nguyên quán: Ba Xát,

Hoàng Liên Sơn.

Nơi thường trú: X7 Tô Hiến Thành,

Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Tiêng

Tôn giáo:

Khổng

DAU VẾT RIÊNG HOẶC IN HÌNH

NGON TRAI

NGON TRAI

Số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000

Ngày 03 tháng 03 năm 1979

T. (HAI) ĐỐC HOẶC TRƯỞNG CÔNG AN

TH. (HAI) CÔNG AN QUẬN

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021034349~~

Họ tên: **LÔ TRỊNH HẢO**



Sinh ngày: **06-5-1965**

Nguyên quán: **Batxat**

Hoàng Liên Sơn

Nơi thường trú: **X7 Pô Hien Thành**
Q10. TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Nùng

Tôn giáo:

không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo, chấm...a, 1, 5cm dưới
trước mép phải

Ngày...19 tháng...3 năm...1980

T. U. B. T. H. U. O. C. H. O. C. T. U. O. N. G. T. U. O. N. G. A. N.
T. U. B. T. H. U. O. C. H. O. C. T. U. O. N. G. A. N. T. U. A. N. 19



Đinh Văn Tý

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~CR1014349~~

Họ tên: **LÔ TRỊNH HẢO**



Sinh ngày: **06-5-1965**

Nguyên quán: **Batxat**

Hoàng Liên Sơn.

Nơi thường trú **X7 TÔ HIẾN THÀNH**
Q10. TP. HỒ CHÍ MINH

Dân tộc.....Nùng.....Tôn giáo.....không.....

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo, chấm...a, 1, 5cm dưới
trước mép phải

Ngày.....19.....tháng.....3.....năm.....1980

T.Ư.Đ. CÔNG AN HOẶC TRƯỞNG T.Ư.Đ. CÔNG AN
T.Ư.Đ. CÔNG AN QUẬN 10



Handwritten signature

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập -- Dân Chủ -- Hòa Bình -- Trung Lập

GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

Số 1355C./AN

Họ, tên Đỗ Văn Dũng

Ngày, tháng, năm sinh 05/04/1926

Sinh quán Đã dời

Chỗ ở hiện tại X 7 Phố Hiền - Phường SG 10

Trước từng ở tại Quận Thủ Đức

Cấp bậc Trung tá Chức vụ Chủ sự phòng An ninh

Số quân 46/200.773

Thẻ căn cước số 04299011

Đến trình diện ngày 3 tháng 5 năm 1975

Tại 91 Quận Hoàng Quân

Sau trình diện về cư trú tại X 7 Phố Hiền - Phường SG 10

Có nộp các thứ sau đây :

1. Giấy chứng nhận

... (có biên nhận kèm theo)

Ngày 13 tháng 5 năm 1975

Ủy Ban Quản Quân

Thành Phố Sài Gòn - Gia Định

... (chữ ký)



CAO ĐẲNG CHIÊM

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

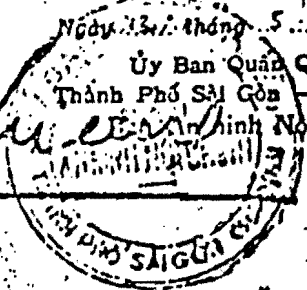
GIẤY CHỨNG NHẬN TRÌNH DIỆN

Số 1355C./AN

Họ, tên: Đặng Văn Dũng
Ngày, tháng, năm sinh: 05/04/1926
Sinh quán: Lào Cai
Chỗ ở hiện tại: X 7, Hồ Văn Thắm, SG 10
Trước từng ở tại: Thị trấn
Cấp bậc: Trung tá Chức vụ: Chủ sự phòng An ninh
Số quân 46/200.773
Thẻ căn cước số: 04899011
Điền trình diện ngày: 03 tháng 5 năm 1975
Tại: 91 gần Hoàng Quân
Sau trình diện về cư trú tại: X 7, Hồ Văn Thắm, SG 10
Có nộp các thứ sau đây:
1. Giấy khai sinh
..... (có biên nhận kèm theo)

Ngày 13 tháng 5 năm 1975

Ủy Ban Quân Quản
Thành Phố Sài Gòn — Gia Định
An ninh Nội chính



CAO ĐẲNG CHIÊM

PHIẾU NHẬN

Sở Ngoại Vụ có nhận đơn của Ông, Bà Lô Trinh Hưng
xin tiếp xúc làm nhập cảnh đến nước.....

WP-0043

F/C/U/M/H

Số đăng ký

001969

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 198 5
NGƯỜI NHẬN ĐƠN,



WP-0043

PHIẾU NHẬN

F/C/U/M/H

Số đăng ký

Sở Ngoại Vụ có nhận đơn của Ông, Bà Lô Trinh Hưng
xin tiếp xúc làm nhập cảnh đến nước

001969

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 198 5
NGƯỜI NHẬN ĐƠN,



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

*Đã mua thẻ Dinh dốt con
Số 1011111111111111*



Đã mua thẻ Dinh dốt con

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 673132...CN

Họ và tên chủ hộ: NUNG THỊ DINH

Ấp, ngõ, số nhà: 17

Thị trấn, đường phố: TÔ HIỆU THẠNH

Xã, phường: MƯỜI BA

Huyện, quận: MƯỜI BA

Ngày 10 tháng 03 năm 1982
Trưởng công an QUẬN 10
(Ký tên, đóng dấu rõ họ tên)



Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Tùng Thị Linh	chủ hộ	nữ	1930			1-10-76	Chết ngày 01/1/83	
02	Đỗ Đình Phụng	con	nam	9-12-1951		HTX Quốc 10	1-10-76		
03	Đỗ Kim Thuý	con	nữ	4-3-1954		công nhân Việt	1-10-76		
04	Đỗ Thị Mỹ Linh	con	nữ	2-5-1956		sinh viên	1-10-76		
05	Đỗ Thị Thanh Loan	con	nữ	9-5-1959			1-10-76		
06	Đỗ Đình Phụng	con	nam	1961			1-10-76		
07	Đỗ Đình Quang	con	nam	29-6-1962			1-10-76		Đỗ Thị 2A
08	Đỗ Đình Thảo	con	nam	1965			1-10-76		1-2-12
09	Đỗ Đình Hùng	con	nam	1970			1-10-76		
10	Đỗ Thị Ngọc	cháu	nữ	1969		công nhân viên	13-3-81		
11	Đỗ Thị Ngọc Bích	cháu	nữ	1978			23-3-81		
12	Đỗ Thị Ngọc Bảo	cháu	nam	1982			28-6-82		
13	Đỗ Thị Ngọc	cháu	nữ	10-1-1983			11-6-83		
14	Đỗ Đình Phụng	cháu	nam	26-9-83			5-10-83		
15	Nguyễn Quang Hùng	cháu	nam	1986			10-1-86		
16	Lê Thị Phụng	con	nam	1951			22-11-76		
17	Nguyễn Văn Thọ	cháu	nữ	9-10-88			14-10-88		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

*Đã chuyển từ Đình Chết cũ
sang Đình mới ở xã Hòa*



Đ. Hòa

WP-0043

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 673132 CN

Họ và tên chủ hộ: NỮNG THỊ DINH

Ấp, ngõ, số nhà: 3

Thị trấn, đường phố: T. HIẾU THANH

Xã, phường: MƯỜI

Huyện, quận: MƯỜI

Ngày 10. tháng 03. năm 1982
Trưởng công an QUẬN 10
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Trần Thị Bình	cha	nữ	1930			1-10-70	Chết 10/1/83	
02	Trần Thị Bình	con	nữ	9-12-1951		ATA Quốc 10	1-10-70		
03	Trần Thị Bình	con	nữ	4-3-1954		công nhân Việt	1-10-70		
04	Trần Thị Bình	con	nữ	2-5-1957		Số may	1-10-70		
05	Trần Thị Bình	con	nữ	9-5-1959			1-10-70		
06	Trần Thị Bình	con	nữ	1961			1-10-70		
07	Trần Thị Bình	con	nữ	29-6-1962			1-10-70		
08	Trần Thị Bình	con	nữ	1965			1-10-70		
09	Trần Thị Bình	con	nữ	1970			1-10-70		
10	Trần Thị Bình	con	nữ	1969		công nhân Việt	12-3-81		
11	Trần Thị Bình	con	nữ	1978			23-3-81		
12	Trần Thị Bình	con	nữ	1982			28-6-82		
13	Trần Thị Bình	con	nữ	10-8-1983			11-6-83		
14	Trần Thị Bình	con	nữ	26-9-83			1-10-84		
15	Trần Thị Bình	con	nữ	1986			10-7-86		
16	Trần Thị Bình	con	nữ	1987			22-11-87		
17	Trần Thị Bình	con	nữ	9-12-88			14-10-88		

HỘI NỘI VỤ
TRAI CẢI TẠO:
95A - TD 63/YH

(CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM)
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Số: 07/VP/HS

Sơn La, ngày 13 tháng 10 năm 1978

KÍNH GỬI : UBND Phường Nguyễn Tri Phương
Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh

Ban Giáo Thị Trại Cải Tạo 95A-TP 63/YH yêu cầu Ủy Ban Nhân Dân-Thường, xã báo cho Bà NHƯNG THỊ DINH (tên thật là NGUYỄN LƯƠNG sinh năm 1925 - Sinh quán Bất Xát Lào Cai - Tổ chức : X-7 Hồ Hắc Thành Quân 10 Thành Phố Hồ-Chí-minh.

Được học tập cải tạo tại trại 95-A - TH 63/TH và sau đó bị bệnh mất huyết não, mắc mù Ban Giảng Huấn và các bác sĩ, y tá đã hết lòng chăm sóc, cứu chữa, nhưng vì bệnh quá nặng nên đã chết lúc 7h30 ngày 12/10/78 tại Bệnh Viện Tai Huyên Phủ Yên, Yên Bái.

Ban Giám Thị đã tổ chức chôn cất tại nghĩa địa thôn...
Xã.... Huyện Phú Yên Tỉnh Sơn La.

Đề nghị Ủy Ban Nhân Dân Phường Nguyễn Trãi Phường báo cho bà DÍNH là thân nhân người chết nội trên biết.

Sao mĩ:

GIÁM THỊ TRẠI
Đã ký: Đại Ủy Đảng Viên

Đề nghị Ủy Ban Phường 20
Bảo cho gia đình thân nhân biết.

/ SAG Y BAN CHANH / Ngày 20 tháng 10 năm 1978
biết. TH. TIU BAN QUAN HUAN Q.1
(Chữ ký và đóng dấu)
TH. H. H. H.

ĐẠI HỌC K' THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 24/10/78

HR 1000-2

ATTN: JOE LANGLOIS / SHL

WP-DOH

IV NO. 129659

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME Minh Khuu Se YOUR ALIEN STATUS IS: _____
DATE OF BIRTH July 15, 1944 U.S. CITIZEN ☐ Number: _____
PLACE OF BIRTH _____ PERMANENT RESIDENT ☐ At _____
ADDRESS IN USA _____ REFUGEE ☒ At 47-309-649
DATE OF ENTRY INTO USA 3 / 19 / 84 mo. day year
FROM WHICH COUNTRY? VIETNAM
TELEPHONE NO. (HOME) _____ VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
(WORK) _____ IN CONTACT _____

II INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) Lo Trinh Hung
ADDRESS IN VIETNAM X7 To Hien Thanh, P-20, Q-10 Ho Chi Minh City (Viet Nam)
HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? _____ CATEGORY? _____
DATE AND PLACE OF FILING _____
DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES ☒ NO _____ NUMBER? 47442 TH

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐

OTHER uncle OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. LO Trinh Hung	2/20/1940	Viet Nam	M	M	Principal Applicant	X7 To Hien Thanh P-20, Q-10 Ho Chi Minh City (VN)
2. Tran Thi Ngoc	2/13/1946	"	F	M	wife	"
3. Lo Thi Ngoc Bich	2/17/1978	"	F		daughter	"
4. Lo Ngoc Bao	6/16/1982	"	M		son	"
5. Lo Trinh Phung	2/9/1951	"	M	M	brother	"
6. Pham Thi Mai Huong	2/10/1963	"	F	M	brother's wife	"
7. Lo Thien Phuoc	9/26/1983	"	M		nephew	"
8. Lo Kim Thuy	3/4/1952	"	F	S	sister	"
9. Lo Thi My Linh	5/2/1956	"	F	S	sister	"
10. LO THI Thanh Loan	5/9/1959	"	F	S	sister	"
11. Lo Trinh Khai	7/14/1961	"	M	S	brother	"
12. Lo Trinh Giang	6/29/1962	"	M	S	brother	"
13. Lo Trinh Hoa	5/6/1965	"	M	S	brother	"
14.	1/1					

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

F-1

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/ DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
<u>Ngô Thị Bạch Tuyết (W)</u>	<u>M/F</u>	<u>5/4/43</u>	<u>Vietnam</u>	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	
B. Your other husbands/wives						
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
C. Your children						
<u>Sơ Thị Kim Ngọc</u>	<u>M/F</u>	<u>1/23/66</u>	<u>Vietnam</u>	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	"
<u>Sơ Thị Tuyết Ly</u>	<u>M/F</u>	<u>2/11/70</u>	" "	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	"
<u>Sơ Thị Tuyết Linh</u>	<u>M/F</u>	<u>6/1/71</u>	" "	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	"
<u>Sơ Giai Đức</u>	<u>M/F</u>	<u>11/3/73</u>	" "	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	"
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
D. Your parents						
<u>Sơ Cao Tín</u>	<u>M/F</u>	<u>1/2/15</u>	<u>Vietnam</u>	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	<u>597/6613 Trần Hưng Đạo</u>
<u>Nguyễn Sĩ Thao</u>	<u>M/F</u>	<u>22/2/17</u>	" "	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	<u>2-5</u> <u>T.P. Hồ Chí Minh City (VN)</u>
E. Your brothers/sisters						
<u>Sơ Mỹ Chan</u>	<u>M/F</u>	<u>15/6/39</u>	<u>Vietnam</u>	<u>Yes/No</u>	<u>L</u>	<u>57/156 Nguyễn Tri Phương</u>
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		<u>2-10, T.P. Hồ Chí Minh City</u>
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		<u>(VN)</u>
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		
	<u>M/F</u>			<u>Yes/No</u>		

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: EMBASSY USAID/USOM CORDS USIS USARV/MACV/DAO OTHER

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION: _____ PREVIOUS GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.

U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

<u>DATE</u>		<u>SCHOOL</u>	<u>PLACE</u>
FROM _____	TO _____	_____	_____
FROM _____	TO _____	_____	_____

DESCRIBE: _____

V

PRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

JOB TITLE _____

NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____

SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____

PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

VI

TRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

VII VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

Page 4

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON Lo Trinh Hung
 MINISTRY OR MILITARY UNIT Agriculture Ministry TITLE OR RANK Agriculture Service Dep. Chief
 PLACE An Giang Province / Region 4 FROM Oct 1973 TO April 1975
 JOB DESCRIPTION _____
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT: _____

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES, PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIII RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION? YES ☒ NO ☐

NAME Lo Trinh Hung DURATION from May 1975 to Sept 1976
 NAME _____ DURATION from _____ to _____

IX REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Minh khia Se Subscribed and sworn to me
 Signature of Applicant this _____ day of May, 1985

Joseph R. Mandin
 Signature of Notary My commission expires: JOSEPH R. MANDIN
 NOTARY PUBLIC, State of New York
 No. 41-8096035 Queens County
 Term Expires March 30, 1986

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

to be completed by relative/friend in USA

I
YOUR NAME Minh Khuu SE YOUR ALIEN STATUS IS:
DATE OF BIRTH July 15, 1944 U.S. CITIZEN ☐ Number: _____
PLACE OF BIRTH Lao Kay (Viet Nam) PERMANENT RESIDENT ☐ A# _____
ADDRESS IN USA _____ REFUGEE ☒ A# 27-309-649
DATE OF ENTRY INTO USA 3 / 19 / 84 mo. day year
FROM WHICH COUNTRY? Viet Nam
TELEPHONE NO. (HOME) _____ VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
(WORK) _____ IN CONTACT _____

II INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) Lo Trinh Hung
ADDRESS IN VIETNAM X7 To Hien Thanh, P-20, Q-10 Ho Chi Minh City (Viet Nam)
HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? _____ CATEGORY? _____
DATE AND PLACE OF FILING _____
DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES ☒ NO _____ NUMBER? 47442 TH

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐
OTHER uncle OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. LO Trinh Hung	2/20/1940	Viet Nam	M	M	Principal Applicant	X7 To Hien Thanh, P-20, Q-10 Ho Chi Minh City (VN)
2. Tran Thi Ngoc	2/13/1949	"	F	M	wife	"
3. Lo Thi Ngoc Bich	2/17/1978	"	F		daughter	"
4. Lo Ngoc Bao	6/16/1982	"	M		son	"
5. Lo Trinh Phung	2/9/1957	"	M	M	brother	"
6. Pham Thi Mai Huong	2/10/1963	"	F	M	brother's wife	"
7. Lo Thien Phuoc	9/21/1983	"	M		nephew	"
8. Lo Kim Thuy	3/4/1954	"	F	S	sister	"
9. Lo THI MY LINH	5/2/1956	"	F	S	sister	"
10. LO THI Thanh Loan	5/9/1959	"	F	S	sister	"
11. Lo Trinh Khoi	7/14/1961	"	M	S	brother	"
12. Lo Trinh Giang	6/29/1962	"	M	S	brother	"
13. Lo Trinh Hao	5/6/1965	"	M	S	brother	"
14.	1/1					

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/ DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
Ngô Thị Bạch Tuyết (W)	M(F)	5/4/43	Vietnam	Yes/No	L	2079 Walkway Ave #172 Bronx, New York, N.Y. 10462
B. Your other husbands/wives						
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
C. Your children						
Sơ Thị Kim Ngọc	M(F)	1/23/66	Vietnam	Yes/No	L	"
Sơ Thị Tuyết Ly	M(F)	2/11/70	" "	Yes/No	L	"
Sơ Thị Tuyết Linh	M(F)	6/1/71	" "	Yes/No	L	"
Sơ Giai Đức	M/F	11/3/73	" "	Yes/No	L	"
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
Sơ Lê Tín	M/F	1-7/2/15	Vietnam	Yes/No	L	597/6bis Trần Hưng Đạo Q-5
Nguyễn Sĩ Thảo	M(F)	22/2/17	" "	Yes/No	L	P.O. Hồ Chí Minh City (VN)
E. Your brothers/sisters						
Sơ Mỹ Chan	M(F)	15/4/39	Vietnam	Yes/No	L	517/156 Nguyễn Tri Phương Q-10, TP Hồ Chí Minh City (VN)
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		

IV A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was a U.S. Government employee, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

AGENCY: ☐ EMBASSY ☐ USAID/USOM ☐ CORDS ☐ USIS ☐ USARV/MACV/DAO ☐ OTHER _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

LAST POSITION: _____ LAST GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF LAST SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

SECTION/DIVISION/OFFICE _____

PREVIOUS POSITION: _____ PREVIOUS GRADE: _____

DURATION OF EMPLOYMENT: FROM _____ TO _____

PLACE _____ NAME OF SUPERVISOR _____

REASON FOR SEPARATION _____

IV B.U.S. GOVERNMENT TRAINING OR SCHOOLING IN VIETNAM

Was any training or schooling provided by the U.S. Government for the Principal Applicant or any accompanying relative? YES ☐ NO ☐

FOR: (NAME) _____

DATE		SCHOOL	PLACE
FROM _____	TO _____	_____	_____
FROM _____	TO _____	_____	_____

DESCRIBE: _____

VPRIVATE EMPLOYMENT

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for a U.S. company or organization, please complete this section.

NAME OF EMPLOYEE _____

JOB TITLE _____

NAME OF COMPANY or ORGANIZATION _____

SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

NAME OF PREVIOUS COMPANY or ORGANIZATION _____

PREVIOUS JOB TITLE _____ SUPERVISOR'S NAME _____

PLACE _____ FROM _____ TO _____

JOB DESCRIPTION _____

EMPLOYEE NUMBER _____ BADGE NUMBER _____ PAYROLL NUMBER _____

REASON FOR SEPARATION _____

VITRAINING OR SCHOOLING OUTSIDE VIETNAM

If the Principal Applicant or any accompanying relative in Vietnam was trained or educated outside Vietnam, please complete this section.

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

NAME OF STUDENT/TRAINEE _____ NAME OF SCHOOL _____

DESCRIPTION OF COURSES _____

PLACE _____ DEGREE/CERTIFICATE _____

WHO PAID FOR THE TRAINING? _____

DURATION OF TRAINING FROM _____ TO _____

For use by the Department of Defense only

VII VIETNAMESE GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE

Page 4

If the Principal Applicant or any accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese military prior to 1975, please complete this section.

NAME OF PERSON Lo Trinh Hung
 MINISTRY OR MILITARY UNIT Agriculture Ministry TITLE OR RANK Agriculture Service Dep. Chief
 PLACE An Giang Province / Region 4 FROM Oct 1973 TO April 1975
 JOB DESCRIPTION _____
 LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR MEDALS RECEIVED FROM THE U.S. GOVERNMENT: _____

DID YOUR RELATIVES WORK CLOSELY WITH AMERICANS? YES ☐ NO ☐ IF YES, PLEASE DESCRIBE: _____
 NAMES/RANKS OF ANY AMERICAN ADVISORS _____

VIII RE-EDUCATION

DID THE PRINCIPAL APPLICANT OR ANY ACCOMPANYING RELATIVE SPEND TIME IN REEDUCATION? YES ☒ NO ☐

NAME Lo Trinh Hung DURATION from May 1975 to Sept 1976
 NAME _____ DURATION from _____ to _____

IX REMARKS

Are there any special considerations or comments that would affect your relatives' eligibility?

IF MORE SPACE IS NECESSARY FOR YOU TO ADD MORE COMPLETE INFORMATION ABOUT ANY OF THE ITEMS REQUESTED ON THIS AFFIDAVIT, PLEASE WRITE THAT INFORMATION ON A SEPARATE SHEET TO BE ATTACHED TO THE AFFIDAVIT. THIS WILL BE NECESSARY IF MORE THAN ONE FAMILY MEMBER WORKED FOR THE U.S. GOVERNMENT, A U.S. COMPANY, OR THE VIETNAMESE GOVERNMENT.

X NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Minh khia se Subscribed and sworn to me
 Signature of Applicant this _____ day of May 4, 1985
Joseph R. Nandin
 Signature of Notary My commission expires: _____
 SEAL OF NOTARY

JOSEPH R. NANDIN
 NOTARY PUBLIC, State of New York
 No. 41-8098036 Queens County
 Term Expires March 30, 1986

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

THIS FORM IS FREE; IT MAY BE REPRODUCED BY ANYONE.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 8/11/1988

Kính thưa Bà,

Tôi đã nhận được thư trả lời của Hội Gia đình Từ Nhân chính Trị VN, Hồ sơ mạng số WP-0043. Trước hết tôi xin thành thật cảm ơn Bà và Hội đã thành tâm giúp đỡ gia đình chúng tôi trong việc làm hồ sơ qua đường trình ra đi có thật tự.

Sau đây chúng tôi sẽ đính kèm các hồ sơ cần bổ túc, mỗi mẫu hai bản:

- 1/ Hồ sơ bảo trợ
- 2/ IV
- 3/ Căn cước, chứng minh nhân dân
- 4/ Hộ Khẩu
- 5/ Giấy báo tử.

Mọi thư từ liên lạc xin Bà cứ gửi về địa chỉ:

Mlle. NUONG THI TAM

Kính thư

LÔ TRỊNH HƯNG.

LÒ TRINH HUNG, son WP-α
LÒ NGÂN DUNG, Lt. Colonel

- V3 chết 1/1/83
- Con trai lớn, Hùng Tôn

Ghi chú:

- Học tập cải tạo từ 1975 - 10/12/1978: 3 năm
 - Chết tại trại cải tạo 10/12/1978
 - Vợ chết 1/1/1983
 - Con trai lớn đứng đơn xin xuất cảnh,
 - Đã có thông hành đi Pháp?
 - Cần giấy hộ tịch, đơn bỏ tù 9/22/88
- Dung